PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 317-22-179
19/09/2022

1. Tên mẫu: **ĐÈN LED Pha PT-HPL-600-D25**
   Name of sample
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
   Quantity *01 pcs*
3. Mô tả mẫu: (Xem trang 02)
   Description *see page 02*
4. Ngày nhận mẫu: 19/09/2022
   Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm: 19/09/2022 ~ 19/09/2022
   Testing duration
6. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH Công Nghệ Năng Lượng POTECH**
   Customer
7. Phương pháp thử: Tham khảo EN13032-1, TCVN 7722-1
   Test method *Ref. EN13032-1, TCVN 7722-1*
8. Kết quả thử nghiệm: Xem trang 03 ÷ 06
   Test result *See pages 03 ÷ 06*

BÁO CÁO KẾT QUẢ
TESTING REPORT

Tống Gia Khiêm

GIÁM ĐỐC P.TN
LAB DIRECTOR

Hồ Hữu Thái

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của PTN thiết bị chiếu sáng VILAS 317
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of VILAS 317 .
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Địa chỉ PTN: Lô HT2-2, Đường D2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, Thủ Đức, TP.HCM/*Lot HT2-2, D2 Street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu B Ward, Thủ Đức, Hồ Chí Minh City.*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT	Thông tin về sản phẩm	Kết quả - Ghi chú	Nhận xét
1.	Model	PT-HPL-600-D25	-
2.	Thông số điện áp và dòng điện danh định	220-240V	-
3.	Tần số dòng điện danh định	50Hz	
4.	Công suất danh định (W)	600W	-
5.	Nhiệt độ màu danh định	5000K	-
6.	CRI (Ra)	≥70	-
7.	Hiệu suất sáng (lm/W)	122 lm/W	

Điều	Tên chỉ tiêu – thử nghiệm	Mức yêu cầu	Kết quả- Ghi chú	Nhận xét
(1)	**Thông số quang điện**		-	-
1.1	Điện áp đo		230,01 V	-
1.2	Tần số đo		50 Hz	-
1.3	Công suất tiêu thụ		611,50 W	-
1.4	Hệ số công suất (cos φ) tại công suất định mức		0,9834	-
1.5	Quang thông (lm)		74619,9	-
1.6	Nhiệt độ màu (CCT)		5075K	-
1.7	Chỉ số hiển thị màu (CRI)		73,7	-
1.8	Hiệu suất quang của bộ đèn		122 lm/W	-

Phụ lục

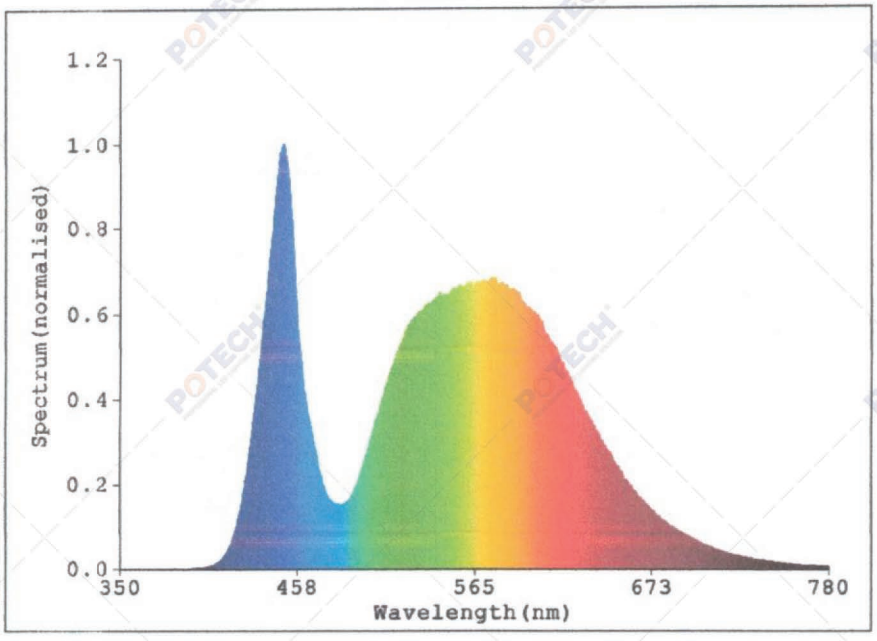

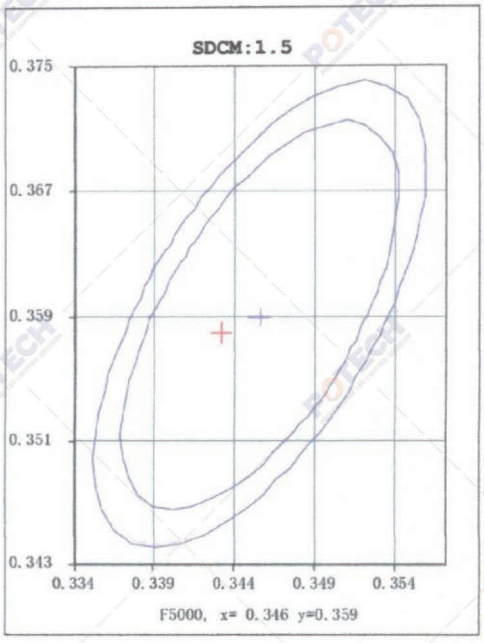

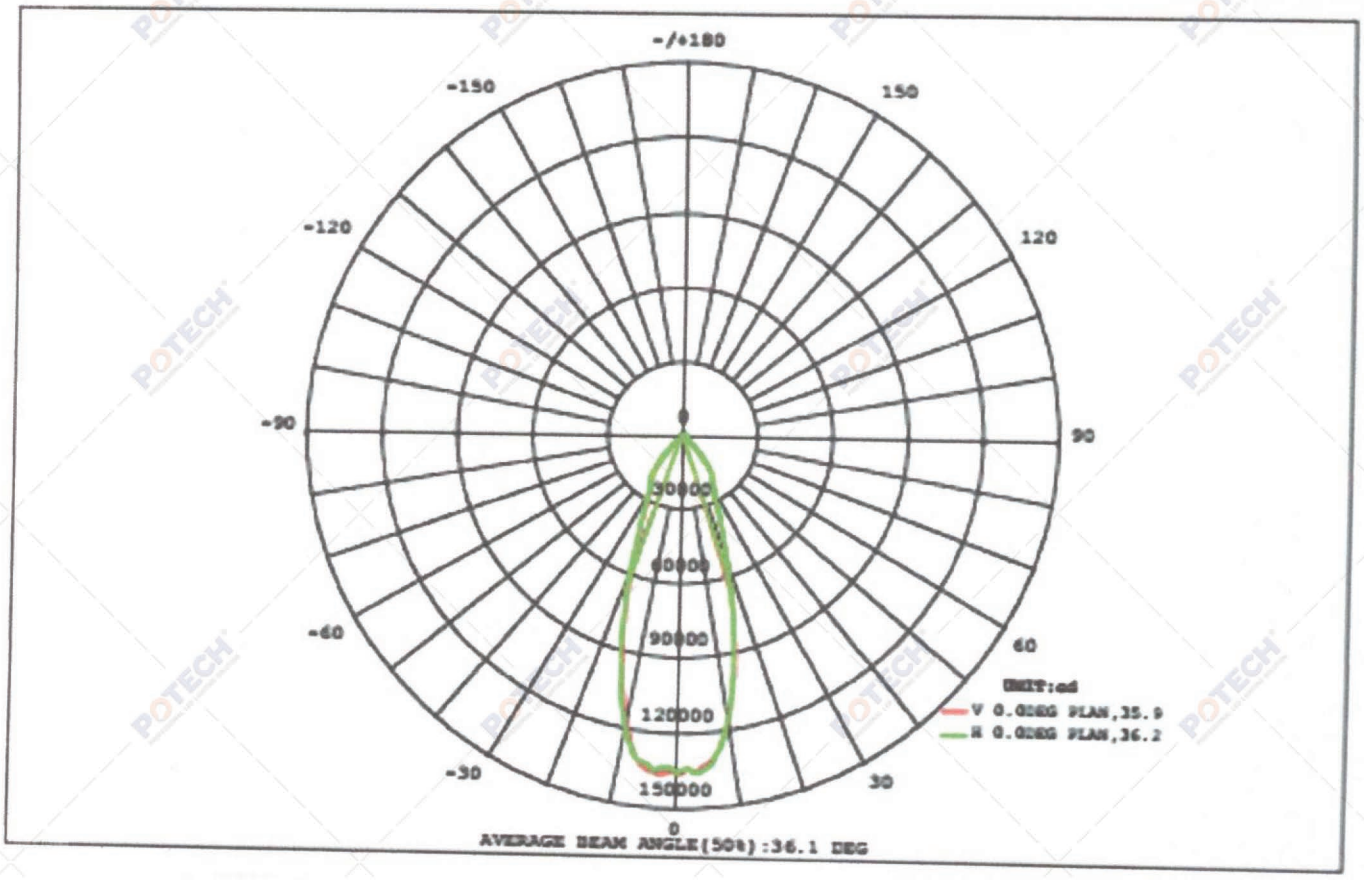
-/+180
-150
150
-120
120
-90
90
-60
60
-30
30
0
30000
60000
90000
120000
150000
UNIT:cd
V 0.0DEG PLAN,35.9
H 0.0DEG PLAN,36.2
AVERAGE BEAM ANGLE(50%):36.1 DEG

Table--1

UNIT: ¡Á100cd

V(DEG) \ H(DEG)	-90	-85	-80	-75	-70	-65	-60	-55	-50	-45	-40	-35	-30	-25	-20	-15	-10	-5	0
-90	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
-85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01
-80	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02	0.03
-75	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.02	0.02	0.03	0.03	0.03	0.03	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.05
-70	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.02	0.02	0.03	0.03	0.04	0.04	0.05	0.05	0.06	0.06	0.07	0.07	0.07	0.07
-65	0.00	0.00	0.00	0.01	0.02	0.02	0.03	0.04	0.04	0.05	0.06	0.07	0.08	0.10	0.11	0.12	0.14	0.14	0.15
-60	0.00	0.00	0.01	0.01	0.02	0.03	0.04	0.05	0.06	0.07	0.10	0.12	0.15	0.18	0.20	0.22	0.24	0.25	0.26
-55	0.00	0.00	0.01	0.02	0.03	0.04	0.05	0.06	0.08	0.12	0.15	0.20	0.24	0.28	0.32	0.36	0.40	0.42	0.44
-50	0.00	0.00	0.01	0.02	0.03	0.04	0.06	0.08	0.12	0.17	0.23	0.29	0.36	0.49	2.58	13.8	23.1	30.1	32.5
-45	0.00	0.00	0.01	0.02	0.04	0.05	0.07	0.11	0.17	0.24	0.32	0.47	7.80	28.9	51.4	70.8	84.2	92.1	95.3
-40	0.00	0.00	0.01	0.03	0.04	0.06	0.09	0.15	0.23	0.32	0.54	17.3	48.3	79.0	107	131	145	158	163
-35	0.00	0.00	0.01	0.03	0.05	0.07	0.11	0.19	0.29	0.46	16.9	55.3	94.8	131	165	186	205	211	213
-30	0.00	0.00	0.02	0.03	0.05	0.08	0.13	0.22	0.36	7.18	48.4	93.9	139	178	209	223	238	251	255
-25	0.00	0.00	0.02	0.04	0.05	0.09	0.15	0.25	0.47	28.1	80.2	131	178	212	234	269	315	350	362
-20	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.09	0.16	0.26	3.55	50.1	105	163	209	234	283	363	445	520	551
-15	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.10	0.16	0.28	13.4	69.2	129	185	222	268	362	487	655	796	853
-10	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.10	0.16	0.28	21.8	83.3	146	205	237	311	441	652	894	1084	1165
-5	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.10	0.16	0.28	29.4	92.2	159	212	251	349	518	791	1074	1269	1342
0	0.00	0.01	0.02	0.04	0.07	0.10	0.15	0.26	32.3	96.6	164	215	257	365	558	865	1168	1330	1356
5	0.00	0.01	0.02	0.04	0.07	0.10	0.15	0.26	29.9	93.0	160	214	253	351	530	815	1106	1306	1328
10	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.10	0.15	0.24	22.5	84.2	147	208	241	315	455	684	935	1120	1196
15	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.09	0.14	0.22	15.1	71.3	132	190	226	275	374	516	694	836	898
20	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.09	0.13	0.20	7.63	52.9	108	167	213	242	295	378	468	550	590
25	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.08	0.12	0.18	0.38	30.7	83.7	136	184	219	244	280	326	365	383
30	0.00	0.00	0.02	0.03	0.05	0.08	0.11	0.16	0.24	11.8	53.8	99.3	146	185	215	229	246	260	267
35	0.00	0.00	0.01	0.03	0.05	0.07	0.10	0.14	0.20	0.36	20.3	63.2	101	139	172	197	212	217	220
40	0.00	0.00	0.01	0.03	0.04	0.07	0.09	0.12	0.16	0.23	0.44	21.6	57.2	87.7	116	137	157	168	172
45	0.00	0.00	0.01	0.02	0.04	0.06	0.08	0.10	0.13	0.18	0.24	0.38	12.8	36.9	59.1	78.8	92.3	101	104
50	0.00	0.00	0.01	0.02	0.03	0.05	0.07	0.09	0.11	0.14	0.18	0.22	0.28	1.17	6.46	18.8	30.3	38.6	41.5
55	0.00	0.00	0.01	0.02	0.03	0.04	0.05	0.07	0.09	0.11	0.13	0.16	0.20	0.23	0.27	0.30	0.33	0.35	0.36
60	0.00	0.00	0.01	0.01	0.02	0.03	0.04	0.06	0.07	0.08	0.10	0.12	0.14	0.17	0.19	0.20	0.21	0.22	0.22
65	0.00	0.00	0.00	0.01	0.02	0.02	0.03	0.04	0.05	0.06	0.07	0.09	0.10	0.12	0.13	0.14	0.15	0.15	0.15
70	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.02	0.02	0.03	0.04	0.04	0.05	0.06	0.07	0.08	0.09	0.09	0.10	0.10	0.10
75	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.02	0.02	0.03	0.03	0.04	0.05	0.05	0.05	0.06	0.06	0.06	0.07
80	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.02	0.02	0.02	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
85	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
90	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

AREA FLUX DIAGRAM — UNIT: lm

VERTICAL (DEG)	-72	-64	-56	-48	-40	-32	-24	-16	HORIZONTAL (DEG) 16	24	32	40	48	56	64	72	Φ t	Φ a
72	0.01	0.02	0.05	0.07	0.11	0.15	0.19	0.22	0.23	0.23	0.22	0.20	0.17	0.13	0.10	0.06	0.04	0.02	2.22	0.00
64	0.02	0.04	0.08	0.12	0.19	0.27	0.35	0.40	0.43	0.43	0.40	0.35	0.28	0.21	0.15	0.10	0.06	0.03	3.90	0.00
56	0.03	0.06	0.11	0.19	0.30	1.00	9.04	26.9	41.8	42.5	28.6	10.8	1.27	0.34	0.22	0.14	0.08	0.04	163	0.00
48	0.03	0.08	0.15	0.29	8.04	56.5	128	189	225	226	192	132	60.7	9.34	0.34	0.19	0.10	0.05	1229	254
40	0.04	0.10	0.20	6.75	75.5	186	292	367	404	404	369	297	194	81.3	7.77	0.25	0.13	0.06	2685	2130
32	0.05	0.11	0.59	42.3	166	307	413	506	589	591	510	414	313	176	47.0	0.76	0.17	0.07	4077	3704
24	0.05	0.13	5.36	90.6	244	385	554	837	1107	1116	855	565	387	252	98.4	5.60	0.22	0.08	6501	6196
	0.06	0.15	14.3	130	295	447	790	1431	1982	1993	1463	811	453	301	137	15.1	0.26	0.09	10263	9993
	0.06	0.15	21.2	151	319	503	1005	1905	2530	2520	1929	1026	511	323	156	21.9	0.30	0.10	12924	12675
	0.06	0.16	20.8	150	317	501	988	1862	2489	2549	1926	1019	512	323	156	21.7	0.31	0.10	12834	12584
	0.06	0.17	13.3	127	291	439	763	1360	1906	1940	1414	795	454	301	135	14.7	0.29	0.09	9954	9683
-24	0.05	0.16	4.10	86.9	237	374	531	800	1045	1059	822	549	386	248	95.3	5.40	0.25	0.08	6244	5940
-32	0.05	0.14	0.44	37.2	158	294	398	489	564	567	498	408	305	167	44.2	0.80	0.20	0.07	3932	3545
-40	0.04	0.11	0.29	4.73	65.0	172	277	352	388	390	358	284	181	73.3	6.88	0.36	0.15	0.05	2553	1970
-48	0.03	0.08	0.19	0.39	5.70	46.0	115	174	206	207	178	122	52.7	7.70	0.47	0.24	0.11	0.04	1115	153
-56	0.03	0.05	0.11	0.23	0.38	0.73	5.93	20.5	33.0	34.2	23.4	8.50	1.10	0.44	0.27	0.15	0.07	0.03	129	0.00
-64	0.02	0.04	0.07	0.11	0.19	0.28	0.37	0.45	0.50	0.51	0.47	0.40	0.31	0.22	0.14	0.08	0.05	0.02	4.24	0.00
-72	0.01	0.02	0.04	0.06	0.09	0.11	0.15	0.18	0.20	0.20	0.19	0.16	0.13	0.10	0.07	0.05	0.03	0.01	1.81	0.00
Φ t	0.69	1.78	81.4	828	2183	3714	6271	10321	13510	13642	10567	6443	3812	2265	885	87.6	2.81	1.02	74617	---
Φ a	0.00	0.00	0.00	111	1634	3295	5885	9953	13153	13286	10199	6052	3380	1733	146	0.00	0.00	0.00	---	68828

Ghi chú/*Note:*

Đạt : Kết quả thử nghiệm thỏa mãn nhu cầu
Không đạt : Kết quả thử nghiệm không thỏa mãn nhu cầu
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét